Phụ lục I

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT BẠCH ĐẰNG**NHÓM: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP, KHỐI LỚP 11**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình
1. Số lớp: 11**; Số học sinh: 398; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):
**2. Tình hình đội ngũ:** Số giáo viên: 5; Trình độ đào tạo: Đại học: 5; Trên đại học: 0
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên[[1]](#footnote-1) 1: Tốt: 05; Khá: 0; Đạt: 05; Chưa đạt: 0
**3. Thiết bị giáo dục:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị giáo dục có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục và theo phê duyệt về thiết bị dạy học tối thiểu – HĐTN, HN lớp 11[[2]](#footnote-2) )*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Tranh liên quan đến nội dung bài học. | 01 bộ | Chủ đề 1: Xây dựng và phát triển nhà trường |  |
| 2 | - Tranh liên quan đến nội dung bài học.- Phiếu phục vụ hoạt động học tập, thu thập thông tin … | 01 bộ | Chủ đề 2: Khám phá bản thân |  |
| 3 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Sưu tầm thông tin, tư liệu, tấm gương liên quan đến bài học | 01 bộ | Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân |  |
| 4 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Video về một số nhân vật thể hiện rõ sự chăm sóc gia đình | 01 bộ | Chủ đề 4: Chăm sóc gia đình |  |
| 5 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Tình huống, câu chuyện gắn với bài học | 01 bộ | Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng |  |
| 6 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Thơ, tục ngữ về thiên nhiên | 01 bộ | Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên |  |
| 7 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung bài học | 01 bộ | Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường  |  |
| 8 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Video liên quan đến vấn đề tìm hiểu | 01 bộ | Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động |  |
| 9 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV - Video về một số ngành. | 01 bộ | Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn |  |
| 10 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  | 01 bộ | Chủ đề 10: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành nghề lựa chọn |  |

**Ghi chú:**- Đối với các thiết bị được tính cho đơn vị “trường”, “lớp”, “GV”, “HS”, căn cứ thực tế của các trường về: số điểm trường, số lớp, số HS/lớp để tính toán số lượng trang bị cho phù hợp, đảm bảo đủ thiết bị cho HS thực hành;
- Tất cả các tranh/ảnh dùng cho GV nêu trên có thể thay thế bằng tranh/ảnh điện tử hoặc các video/clip;
- Ngoài danh mục thiết bị như trên, giáo viên có thể sử dụng thiết bị dạy học của môn học khác và thiết bị dạy học tự làm.

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Tên phòng  | Số lượng  | Phạm vi và nội dung sử dụng  | Ghi chú |
| 1  | Phòng đa năng  | 01 | Tổ chức các HĐ cần không gian, thiết bị thông minh  | Đăng ký trước thời gian |
| 2  | Sân thể thao  | 01  | Tổ chức các HĐ cần không gian rộng, ngoài trời |  |
| 3  | Phòng sinh hoạt câu lạc bộ  | 01  | Tổ chức các câu lạc bộ: Câu lạc bộ hướng nghiệp; |  |

**II. Kế hoạch giáo dục
*2.1. Thời lượng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Học kì  | Số tuần  | Số tiết/tuần |  Số điểm |
| Đánh giáthường xuyên | Đánh giágiữa kỳ | Đánh giácuối kỳ |
| I | 18 | 54 tiết (Số tiết quy mô trường?  Số tiết quy mô lớp? KTĐG: 2 tiết ) | 2 | 1 | 1 |
| II | 17 | 51 tiết (Số tiết quy mô trường?  Số tiết quy mô lớp? KTĐG: 2 tiết ) | 2 | 1 | 1 |

* 1. ***Phân phối chương trình***

 **HỌC KÌ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt** | **Người thực hiện** | **Điều chỉnh** |
|  |  | Chủ đề 1: **Xây dựng và phát triển nhà trường** | **9** | * Biết cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.
* Làm chủ và kiểm soát được các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội.
* Hợp tác được với bạn để cùng xây dựng và thực hiện các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường.
* Đánh giá được hiệu quả của hoạt động phát huy truyền thống nhà trường.

− Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. |  |  |
| Tuần 1 | 1,2,3 | - Tìm hiểu cách phát triển mối qua hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè- Tìm hiểu cách làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè ở trường, qua mạng xã hội | 03 | GVCN phụ trách |  |
| Tuần 2 | 4,5,6 | - Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè- Rèn luyện kĩ năng làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè ở trường, qua mạng xã hội.- Hợp tác với bạn để cùng xây dựng và phát triển nhà trường | 03 | GVCN phụ trách | x |
| Tuần 3 | 7,8,9 | - Đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường- Vận dụng các kĩ năng đã được rèn luyện vào thực tiễn- Đánh giá cuối chủ đề | 3 | GVCN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 2: Khám phá bản thân** | **12** | - Nhận diện được nét riêng và thể hiện được sự tự tin về đặc điểm riêng của bản thân.- Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và biết điểu chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi.- Nhận diện được hứng thú, sở trường của bản thân và có kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai |  |  |
| Tuần 4 | 10,11,12 | - Khám phá đặc điểm riêng của bản thân- Tìm hiểu về cách thể hiện sự tự tin đối vói những đặc điểm riêng của bản thanTìm hiểu cách điều chỉnh bản thân để thích ứng vói sự thay đổi | 3 | GVTN phụ trách  |  |
| Tuần 5 | 13,14,15 | - Thiết kế và trình bày sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của bản thân | 3 | GVTN phụ trách  | x |
| Tuần 6 | 16,17,18 | - Xây dựng kế hoạch điều chỉnh bản thân- Xây dựng kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp của bản thân trong tương lai | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 7 | 19,20,21 | -Thể hiện sự tự tin về những đặc điểm riêng của bản thân trong thực tiễn cuộc sống- Thực hiện kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng vói sự thay đổi và kế hoạch phát triển sở trường hướng tới- Đánh giá cuối chủ đề | 3 | GVTN phụ trách | x |
|  | **22** | **- Đánh giá giữa kì 1** | **1** | GVTN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân** | **18** | - Tuân thủ kỉ luật, quy định của nhóm, tập thể trường, lớp, cộng đổng.- Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân; biết thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện.- Quản lí được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau- Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí |  |  |
| Tuần 8 | 23,24,25 | - Tìm hiểu cách tuân thủ kỉ luât, quy đinh của nhóm, lớp, tập thể trường, cộng đồng- Tìm hiểu biểu hiện của sự nỗ lực hoàn thiện bản thân | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 9 | 26,27,28 | - Tìm hiểu cách thu hút các bạn cùng phán đoán hoàn thiện bản thân- Tìm hiểu cách quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau- Tìm hiểu về cách thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 10 | 29,30,31 | - Rèn luyện tính kỉ luật- Xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện bản thân | 3 | GVTN phụ trách  |  |
| Tuần 11 | 32,33,34 | - Thực hành một số biện pháp thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân- Đề xuất cách quản lí cảm xúc và ứng xử họp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau | 3 |  | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 12 | 35,36,37 | - Thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí | 3 |  | GVTN phụ trách | x |
| Tuần 13 | 38,39,40 | - Vận dụng các biện pháp và kế hoạch đã xác định- Đánh giá cuối chủ đề | 3 |  | GVTN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 4: Chăm sóc gia đình** | **9** | - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên những người thân trong gia đình- Biết cách hoá giải những mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong gia đình.- Thể hiện sự tự tin trong việc tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc gia ẩinh.- Lập được kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập trong gia đình và thực hiện được mục tiêu tiết kiệm tài chính trong gia đình. |  |  |
| Tuần 14 | 41,42,43 | - Tìm hiểu những việc cần làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc thưòng xuyên đến người thân trong gia đình- Tìm hiểu cách hoá giải mâu thuẫn, xung đột trong gia đình- Tìm hiểu về sự tự tin tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc và tự giác tham gia lao động trong gia đình |  | GVCN phụ trách |  |
| Tuần 15 | 44,45,46 | - Tìm hiểu về kế hoạch chi tiêu phù hợp, thực hiện tiết kiệm tài chính- Rèn luyện kĩ năng hoá giải mâu thuẫn, xung đột và quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình- Tổ chức sắp xếp hợp lí công việc gia đình và tự giác thực hiện có trách nhiệm | 3 | GVCN phụ trách  |  |
| Tuần 16 | 47,48,49 | - Lập kế hoạch chi tiêu phù hợp vói thu nhập trong gia đình- Thực hiện mục tiêu tiết kiệm tài chính trong gia đình- Thực hiện trách nhiệm đối với gia đình- ĐÁNH GIÁ CUỐI CHỦ ĐỀ | 3 | GVCN phụ trách | x |
|  | **50** | Đánh giá cuối kì I | **1** |  | GVCN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng**  | **9** | - Tìm hiểu các biện pháp xây dựng và phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng; hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng.- Tìm hiểu các biện pháp quản lí việc thực hiện các hoạt động phát triền cộng đồng.- Xây dựng và phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng.- Thể hiện các hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng.- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng, đề xuất giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động đó và đảnh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng.- Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hoá mạng xã hội |  |  |
| Tuần 17 | 51,52,53 | - Tìm hiểu biện phát xây dựng và phát triển cộng đồng- Tìm hiểu hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân vói cộng đồng- Xây dựng và phát triển các mối quan hệ vòi mọi ngưòi trong cộng đồng | 3 | GVCN phụ trách | x |
| Tuần 18 | 54,55,56 | - Thể hiện các hành vi văn minh noi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng-Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển công đồng và giải pháp quản lí thực hiện | 3 | GVCN phụ trách |  |
| Tuần 19 | 57,58,59 | - Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về văn hóa mạng xã hội- Tham gia xây dựng, phát triển cộng đồng và đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồngĐánh giá cuối chủ đề | 3 | GVCN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên** | **6** |  |  | Lồng ghép Trải nghiệm  |
| Tuần 20 | 60,61,62 | - Chia sẻ về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân- Tìm hiểu biểu hiện của sự chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên- Lập kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phưong | 3 | Nhận ra ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân.Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tổn cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện.Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đổng dân cư tại địa phương | GVTN phụ trách | x |
| Tuần 21 | 63,64,65 | - Đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư địa phương theo kế hoạch đã xây dựng- Xây dựng kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên- Thực hiện kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh. Thực hiện bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và kêu gọi mọi ngưòi cùng thực hiện- Đánh giá cuối chủ đề | 3 | GVTN phụ trách | x |
|  |  | **Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường** | **9** | - Nghiên cứu, khảo sát thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương, tác động của sự phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường và báo cáo kết quả khảo sát.- Đưa ra được các kiến nghị về bảo vệ môi trường từ số liệu khảo sát.- Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên. |  |  |
| Tuần 22 | 66,67,68 | - Tìm hiểu về tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trưòng- Nghiên cứu, khảo sát thực trạng môi trường tự nhiên, tác động của sự phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 23 | 69,70,71 | - Phân tích tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh- Đề xuất kiến nghị bảo vệ môi trưòng theo kết quả khảo sát. | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 24 | 72,73,74 | - Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên tới người dân địa phương- Tham gia bảo vệ môi trưòng, tài nguyên- Đánh giá cuối chủ đề | 3 |  | GVTN phụ trách | x |
|  |  | Đánh giá giữa kì II | 1 |  | GVTN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động** | **12** | - Phân loại các nhóm nghề cơ bản; chỉ ra đặc trưng, yêu cẩu của từng nhóm nghề.- Sưu tầm được tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động.- Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực người lao động.- Giải thích được ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp của người lao động |  |  |
| Tuần 25 | 76,77,78 | - Tìm hiểu về các nhóm nghề cơ bản- Tìm hiểu ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp của ngưòi lao động | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 26 | 79,80,81 | - Phân tích yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động- Sưu tầm và giới thiệu tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 27 | 82,83,84 | - Giải thích ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp đối với người lao động | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 28 | 85,86,87 | - Tích cực tìm hiểu và trao đổi thông tin về các nhóm nghề, yêu cầu của thị trường lao động- Đánh giá cuối chủ đề | 3 | GVTN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn** | 11 | - Đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghể và chỉ ra được phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc không phù hợp với nhóm nghề/nghề lựa chọn.- Đánh giá được khó khăn, thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn- Đề xuất được giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp |  |  |
| Tuần 29 | 88,89,90 | - Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối vói từng nhóm nghề | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 30 | 91,92,93 | - Xác định sự phù hợp về phẩm chất, năng lực của bản thân đôi với nhóm nghề/nghề lựa chọn | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 31 | 94,95,96 | - Đánh giá khó khăn, thuận lợi trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo nhóm nghề đã lựa chọn- Đề xuất giải pháp học tập, rèn luyện theo nhóm nghề/ nghề lựa chọn | 3 | GVTN phụ trách |  |
| Tuần 32 | 97,98 | - Thực hiện giải pháp học tập, rèn luyện theo nhóm nghề/ nghề lựa chọn- Đánh giá cuối chủ đề | 2 | GVTN phụ trách |  |
|  |  | **Chủ đề 10: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành,** **nghề lựa chọn** | 6 | - Trình bày được các thông tin cơ bản về các trường trung cấp, cao đẳng, đại học liên quan đến nhóm nghề/nghề mà bản thân dịnh lựa chọn.- Tham vấn được ý kiến của thấy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến ngành, nghề lựa chọn.- Xác định được những trường đào tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp của bản thân- Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn |  |  |
| Tuần 33 | 99,100,101 | - Tìm hiểu nội dung tham vấn về dự kiến ngành, nghề lựa chọn- Tìm hiểu và trình bày thông tin về các trường trung cấp, cao đẳng, đại học liên quan đến các nhóm nghề/ nghề lựa chọn- Tham vấn ý kiến về dự kiến ngành, nghề lựa chọn | 3 | GVCN phụ trách | x |
| Tuần 34 | 102,103,104 | - Xác định trường đào tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp- Xây dựng kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn- Thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn- Đánh giá cuối chủ đề | 3 | GVCN phụ trách |  |
| Tuần 35 | 105 | **Đánh giá cuối kì II** | 1 |  | GVCN phụ trách |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | Tuần 7 | Giữa kỳ I | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 1, 2- Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | - Thiết kế video, sản phẩm |
| Cuối Học kỳ 1 | Tuần 16 | Cuối kỳ I | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 3, 4- Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | - Thiết kế video, sản phẩm |
| Giữa Học kỳ 2 | Tuần 24 | Giữa kỳ II | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 5, 6, 7- Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | - Thiết kế video, sản phẩm |
| Cuối Học kỳ 2 | Tuần 35 | Cuối kỳ II | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 8, 9,10- Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | - Thiết kế video, sản phẩm |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

*Lưu ý: Các ô trống là các tiết không thực hiện/ tuần.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng 7 năm 2023***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-2)